



[LIÊN HỆ](#)



**TIN MỚI HÔM NAY**   Lượt Đãi đai 2013: Không có chuyện “đá sờ hữu”? - Tồn kho thép tăng 26% so với cùng kỳ 2012: Doanh nghiệp   [Từ khóa tìm kiếm](#)  
 thép chủ động tồn kho lớn?

**DANH MỤC SẢN PHẨM**

- [Bảng giá](#)
- [Thép thông dụng](#)
- [Xuất sứ sản phẩm](#)
- [Tham chiếu kỹ thuật](#)

[Trang chủ](#)   [Tin tức](#)   [Thông tin cổ đông](#)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY NĂM 2013**

Cập nhật: 11/03/2014   Lượt xem: 104   [Cơ chủ](#)

**DỰ ÁN ĐANG THỰC HIỆN**

-  **Cung cấp thép cọc cho trung cư cao cấp Hòa Lạc**
-  **Cung cấp thép cọc cho trung cư cao cấp Hòa Lạc**
-  **Cung cấp thép cọc cho tòa tháp đôi Runny City Lạng Sơn**
-  **Cung cấp thép cọc cho tòa tháp đôi Runny City Hải Phòng**

**TIN TỨC NỔI BẬT**

Tồn kho thép tăng 26% so với cùng kỳ 2012: Doanh nghiệp thép chủ động tồn kho lớn?

Vĩnh Phúc: Dân ngang nhiên chiếm đất, xây nhà trái phép

Tôn vinh kiến trúc xanh

“Đại gia” Dubai sẽ xây khu đô thị 30 tỷ USD tại Hà Nội

Lượng thép tồn kho tăng mạnh

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### **CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(đã được kiểm toán)



Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội  
Số 20 Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội

---

## NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 30
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 30

Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội  
Số 20 Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Kim khí Hà Nội hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103010369 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 21/12/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 04/12/2013 với mã số doanh nghiệp là 0100100368.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 20 Đường Tôn Thất Tùng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nghiêm Xuân Đa	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 17 tháng 04 năm 2013)
Ông Đặng Ngọc Minh	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 12 tháng 04 năm 2013)
Ông Phạm Công Dũng	Ủy viên	
Bà Hoàng Thị Hồng Hà	Ủy viên	
Ông Nguyễn Đăng Tú	Ủy viên	
Ông Triệu Quang Vinh	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Công Dũng	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 01 tháng 04 năm 2013)
Ông Đặng Ngọc Minh	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 01 tháng 04 năm 2013)
Ông Phan Hồng Hải	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Triệu Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc	

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

### CÔNG BÓ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội  
Số 20 Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2014



Phạm Công Dũng



Số: 127/2014/BC.KTTC-AASC.KT2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội được lập ngày 18 tháng 02 năm 2014, từ trang 6 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

T: (84) 4 3824 1990 | F: (84) 4 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam A member of  International

100  
CỘT  
CỘT  
KIM  
KHÍ  
HÀ  
NỘI

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kim Khí Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2014

**Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC**  
**Phó Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Thanh Tùng**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 0063-2013-002-1

**Kiểm toán viên**

**Trần Quang Mẫu**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 0668-2013-002-1

AASC

AASC

Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội  
Số 20 Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
		VND	VND
<b>100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>216.623.294.318</b>	<b>334.168.119.519</b>
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	7.841.206.220	37.683.055.653
111 1. Tiền		7.841.206.220	3.683.055.653
112 2. Các khoản tương đương tiền		-	34.000.000.000
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		142.513.801.853	192.477.318.016
131 1. Phải thu khách hàng		184.175.801.231	159.453.613.763
132 2. Trả trước cho người bán		8.169.492.228	55.125.778.710
135 5. Các khoản phải thu khác		47.577.197	378.771.970
139 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	4	(49.879.068.803)	(22.480.846.427)
140 IV. Hàng tồn kho	5	63.182.255.333	95.418.028.325
141 1. Hàng tồn kho		67.963.779.004	95.418.028.325
149 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(4.781.523.671)	-
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		3.086.030.912	8.589.717.525
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	13.386.363
152 2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.157.027.499	6.534.396.052
154 3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		-	202.748.243
158 5. Tài sản ngắn hạn khác	6	1.929.003.413	1.839.186.867
<b>200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>37.019.183.397</b>	<b>35.741.605.802</b>
220 II. Tài sản cố định		25.892.626.405	22.877.981.407
221 1. Tài sản cố định hữu hình	7	24.545.289.858	19.764.767.517
222 - Nguyên giá		57.968.863.542	50.219.732.571
223 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(33.423.573.684)	(30.454.965.054)
227 3. Tài sản cố định vô hình	8	1.226.567.521	1.412.937.089
228 - Nguyên giá		3.360.379.090	3.225.379.090
229 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(2.133.811.569)	(1.812.442.001)
230 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	120.769.026	1.700.276.801
250 IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10	10.288.091.587	11.920.600.000
252 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		11.920.600.000	11.920.600.000
259 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		(1.632.508.413)	-
260 V. Tài sản dài hạn khác		838.465.405	943.024.395
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	11	794.465.405	899.024.395
268 3. Tài sản dài hạn khác		44.000.000	44.000.000
<b>270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>253.642.477.715</b>	<b>369.909.725.321</b>



Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội  
Số 20 Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

(tiếp theo)

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
<b>300 A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>205.906.608.357</b>	<b>271.730.412.137</b>
<b>310 I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>205.772.317.396</b>	<b>270.454.198.794</b>
311 1. Vay và nợ ngắn hạn	12	131.084.551.712	196.902.485.187
312 2. Phải trả người bán		46.285.849.401	53.249.667.999
313 3. Người mua trả tiền trước		11.141.931.380	12.645.672.038
314 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	9.735.245.772	477.218.079
315 5. Phải trả người lao động		3.492.043.696	3.775.159.406
316 6. Chi phí phải trả	14	247.811.818	295.900.000
317 7. Phải trả nội bộ		-	313.991.000
319 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	15	3.563.530.900	2.437.837.666
323 11. Quỹ khen thưởng phúc lợi		221.352.717	356.267.419
<b>330 II. Nợ dài hạn</b>		<b>134.290.961</b>	<b>1.276.213.343</b>
335 5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	901.202.386
338 8. Doanh thu chưa thực hiện		134.290.961	375.010.957
<b>400 B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>47.735.869.358</b>	<b>98.179.313.184</b>
<b>410 I. Vốn chủ sở hữu</b>	16	<b>47.735.869.358</b>	<b>98.179.313.184</b>
411 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		90.000.000.000	90.000.000.000
417 7. Quỹ đầu tư phát triển		3.119.675.394	3.119.675.394
418 8. Quỹ dự phòng tài chính		480.176.385	480.176.385
420 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(45.863.982.421)	4.579.461.405
<b>440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>253.642.477.715</b>	<b>369.909.725.321</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
- USD		1.062,62	3.557,11

Người lập biểu

*Dương Thị Phương Hiền*

Dương Thị Phương Hiền

Kế toán trưởng

*Nguyễn Lê Minh Tâm*

Nguyễn Lê Minh Tâm

Hà Nội, ngày 18 tháng 02 năm 2014

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN  
KIM KHÍ  
HÀ NỘI

*Phạm Công Dũng*

Phạm Công Dũng

Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội  
Số 20 Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
		VND	VND
01 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	1.655.633.036.967	1.892.275.672.092
02 2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18	389.986.625	7.756.219.363
10 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	1.655.243.050.342	1.884.519.452.729
11 4. Giá vốn hàng bán	20	1.626.540.543.488	1.837.551.509.738
20 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		28.702.506.854	46.967.942.991
21 6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	9.157.124.043	12.440.205.969
22 7. Chi phí tài chính	22	14.251.642.406	11.040.445.838
23 - Trong đó: Chi phí lãi vay		11.475.966.543	9.489.305.874
24 8. Chi phí bán hàng	23	19.948.134.872	19.752.498.866
25 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	47.582.713.488	24.862.492.253
30 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(43.922.859.869)	3.752.712.003
31 11. Thu nhập khác		539.667.394	3.345.515.341
32 12. Chi phí khác		2.408.345.483	770.614.497
40 13. Lợi nhuận khác		(1.868.678.089)	2.574.900.844
50 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(45.791.537.958)	6.327.612.847
51 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25	72.444.463	1.748.151.442
60 17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		(45.863.982.421)	4.579.461.405
70 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	(5.096)	509

Người lập biểu

Dương Thị Phương Hiền

Kế toán trưởng

Nguyễn Lê Minh Tâm

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2014

Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
KIM KHÍ  
HÀ NỘI  
Đ. CÔNG TẮC - P. HÀ NỘI - Q. Đ. Đ. Đ.

Phạm Công Dũng

Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội  
Số 20 Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2013

Theo phương pháp gián tiếp

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
		VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế	(45.791.537.958)	6.327.612.847
2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định	4.037.412.211	3.464.708.654
03	- Các khoản dự phòng	33.812.254.460	7.166.033.739
04	- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	(53.747.450)
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	(273.572.888)	(13.425.431.149)
06	- Chi phí lãi vay	11.475.966.543	9.489.305.874
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	3.260.522.368	12.968.482.515
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu	28.994.932.701	(97.329.121.677)
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho	27.454.249.321	(30.338.000.367)
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	129.044.397	(11.245.300.009)
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước	117.945.353	286.830.341
13	- Tiền lãi vay đã trả	(11.622.236.543)	(9.338.237.874)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(779.898.606)	(2.012.099.637)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	1.500.000	5.312.695.487
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(171.737.138)	(2.833.911.866)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	47.384.321.853	(134.528.663.087)
<b>II. LƯU CHUYỂN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(7.228.225.699)	(5.925.589.980)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	-	182.118.182
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	273.572.888	12.234.756.622
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(6.954.652.811)	6.491.284.824
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	902.546.947.298	1.056.869.960.630
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(968.364.880.773)	(923.880.428.442)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(4.453.585.000)	(4.476.995.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(70.271.518.475)	128.512.537.188
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(29.841.849.433)	475.158.925

Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội  
Số 20 Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2013

Theo phương pháp gián tiếp

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
		VND	VND
60 Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		37.683.055.653	37.208.096.084
61 Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	(199.356)
70 Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	7.841.206.220	37.683.055.653

Người lập biểu

Dương Thị Phương Hiền

Kế toán trưởng

Nguyễn Lê Minh Tâm

Hà Nội, ngày 18 tháng 02 năm 2014

Tổng Giám đốc

Phạm Công Dũng

111  
CNC  
NH  
GK  
A  
ANK

DIC  
+G  
+H  
+K  
NI  
+T

Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội  
Số 20 Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

### 1. THÔNG TIN CHUNG

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Kim khí Hà Nội hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103010369 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 21/12/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 04/12/2013 với mã số doanh nghiệp là 0100100368.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 20 Đường Tôn Thất Tùng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 90.000.000.000 đồng; tương đương 9.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 1  
Xí nghiệp Kinh doanh Thép Hình  
Xí nghiệp Kinh doanh Thép Chuyên dùng  
Chi nhánh Công ty tại TP. Hồ Chí Minh  
Chi nhánh Công ty tại Hải Phòng

#### Địa chỉ

Km 03 - Phan Trọng Tuệ - Thanh Trì - Hà Nội  
Số 53 - Đức Giang - Long Biên - Hà Nội  
Số 75 - Nguyễn Tam Trinh - Hoàng Mai - Hà Nội  
Số 137 A - Cộng Hòa - Tân Bình - TP. Hồ Chí Minh  
Ngõ 67 - Đường Ngô Quyền - Hải Phòng

Thông tin về các công ty liên kết của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 10.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; bốc xếp hàng hóa;
- Vận tải hành khách đường bộ khác; vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt); vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; bán buôn thực phẩm;
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; sản xuất sắt, thép, gang;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; dịch vụ phục vụ đồ uống; bán buôn đồ uống;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Rèn, đập, ép và các kim loại, luyện bột kim loại;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;

- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất xe có động cơ;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy; bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu;
- Khai thác và thu gom than cứng; khai thác và thu gom than non;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.

## 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### *Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

### 2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ.

#### 2.4 . Công cụ tài chính

##### *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chí phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

##### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### 2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 2.6 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### 2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chí phí mua, chí phí chế biến và các chí phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.8 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	07 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất	08 - 20 năm
- Phần mềm quản lý	05 năm

Từ tháng 6/2013 Công ty đã thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, cụ thể như sau:

- Nguyên giá tối thiểu của tài sản cố định tăng từ 10 triệu đồng lên 30 triệu đồng. Đối với những tài sản cố định trước đây không thỏa mãn điều kiện này thì giá trị còn lại được điều chỉnh sang Chi phí trả trước dài hạn/ngắn hạn và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời hạn 3 năm.

**2.9 . Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phân thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên số kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

H N X

HOSE  
UPCOM  
DA



#### 2.10 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

#### 2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### 2.12 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### 2.13 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

#### 2.14 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

**2.15 . Chi nhận doanh thu**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**2.16 . Chi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.17 . Các khoản thuế**

*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội  
Số 20 Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 €

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	75.371.409	213.825.500
Tiền gửi ngân hàng	7.765.834.811	3.469.230.153
Các khoản tương đương tiền	-	34.000.000.000
	<u>7.841.206.220</u>	<u>37.683.055.653</u>

4 . DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÓI

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu khách hàng	(40.612.227.575)	(22.480.846.427)
Trả trước cho người bán	(7.756.811.228)	-
Phải thu khác	(1.510.030.000)	-
	<u>(49.879.068.803)</u>	<u>(22.480.846.427)</u>

5 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	20.952.381	39.190.186
Hàng hóa	67.942.826.623	95.088.190.639
Hàng gửi đi bán	-	290.647.500
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.781.523.671)	-
	<u>63.182.255.333</u>	<u>95.418.028.325</u>

6 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	1.510.030.000	1.510.030.000
Tạm ứng	418.973.413	329.156.867
	<u>1.929.003.413</u>	<u>1.839.186.867</u>

7 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Xem chi tiết Phụ lục 1

Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội  
Số 20 Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>				
Số dư đầu năm	3.125.379.090	100.000.000	-	3.225.379.090
Số tăng trong năm	-	135.000.000	-	135.000.000
- Mua TSCĐ trong năm	-	135.000.000	-	135.000.000
Số giảm trong năm	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.125.379.090</b>	<b>235.000.000</b>	<b>-</b>	<b>3.360.379.090</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	1.764.108.658	48.333.343	-	1.812.442.001
Số tăng trong năm	290.119.571	31.249.997	-	321.369.568
- Khấu hao TSCĐ trong năm	290.119.571	31.249.997	-	321.369.568
Giảm trong năm	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.054.228.229</b>	<b>79.583.340</b>	<b>-</b>	<b>2.133.811.569</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	1.361.270.432	51.666.657	-	1.412.937.089
Tại ngày cuối năm	1.071.150.861	155.416.660	-	1.226.567.521

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>120.769.026</b>	<b>1.700.276.801</b>
- Dự án nhà cao tầng 20 Tôn Thất Tùng	120.769.026	120.769.026
- Dự án xây dựng tổ hợp Trung tâm thương mại, văn phòng, nhà ở tại 75 Nguyễn Tam Trinh, Hà Nội	-	1.579.507.775
	<b>120.769.026</b>	<b>1.700.276.801</b>

10 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>11.920.600.000</b>	<b>11.920.600.000</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thép Hưng Yên	11.920.600.000	11.920.600.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	(1.632.508.413)	-
	<b>10.288.091.587</b>	<b>11.920.600.000</b>

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2013 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thép Hưng Yên	Hưng Yên	29%	29%	Sản xuất và kinh doanh thép

Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội  
Số 20 Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	358.277.035	299.078.584
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	254.438.369	524.112.655
Chi phí trả trước dài hạn khác	181.750.001	75.833.156
	<u>794.465.405</u>	<u>899.024.395</u>

12 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay ngắn hạn	131.084.551.712	196.902.485.187
Vay ngân hàng	131.084.551.712	196.902.485.187
	<u>131.084.551.712</u>	<u>196.902.485.187</u>

Chi tiết vay ngắn hạn

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương - CN Ba Đình (1)	73.185.959.181	80.804.393.984
Ngân hàng TMCP Công thương - CN Đống Đa (2)	16.571.672.342	43.982.046.381
Ngân hàng TMCP Công thương - CN Bắc Hà Nội (3)	19.291.711.170	39.159.889.405
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Hà Nội (4)	22.035.209.019	32.956.155.417
	<u>131.084.551.712</u>	<u>196.902.485.187</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(1) Hợp đồng tín dụng số 97/2013-HĐTDHM/NHCT124-HNS (15/07/2012) với hạn mức cho vay là 250.000.000.000 VND nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại số 20 Tôn Thất Tùng và Tam Hiệp - Thanh Trì - Hà Nội. Thời hạn được quy định cụ thể theo từng lần nhận nợ nhưng không quá 12 tháng với lãi suất được áp dụng theo nguyên tắc thả nổi có điều chỉnh hàng tháng.

(2) Hợp đồng tín dụng số 01/2013/VIETINBANKDD-HNS (01/07/2013) với hạn mức 150.000.000.000 VND nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động và được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại Huyện Cưng - Tam Hiệp - Thanh Trì - Hà Nội, tài sản gắn liền trên đất tại 188-190 Ngọc Lâm - Long Biên - Hà Nội, tài sản gắn liền trên đất tại 461 Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội, tài sản gắn liền khu đất A12 - Khương Thượng - Tôn Thất Tùng - Đống Đa - Hà Nội. Thời hạn được quy định cụ thể theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 04 tháng. Lãi suất được áp dụng theo nguyên tắc thả nổi.

(3) Hợp đồng tín dụng số 19/2013/HĐTD (18/06/2013) với hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh. Hình thức đảm bảo: Tín chấp. Thời hạn cho vay được ghi trên giấy nhận nợ của từng lần rút vốn. Lãi suất áp dụng theo nguyên tắc thả nổi.

(4) Hợp đồng tín dụng số 02/13/HM/NHTMCPNH.HN (09/09/2013) với hạn mức 60.000.000.000 VND nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động và được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại số 109 ngõ 53 phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 06/10/2010 và 2 xe ô tô CRV Honda 5 chỗ và Toyota Fortuner 7 chỗ. Thời hạn được quy định cụ thể theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 04 tháng. Lãi suất được tính cho từng giấy nhận nợ theo thông báo lãi suất của Ngân hàng từng thời kỳ.

Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội  
Số 20 Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	53.092.947	431.763.332
Thuế xuất, nhập khẩu	-	21.964.399
Thuế thu nhập cá nhân	6.740.000	3.190.000
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	9.675.412.825	20.300.348
	<u>9.735.245.772</u>	<u>477.218.079</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	149.630.000	295.900.000
Chi phí phải trả khác	98.181.818	-
	<u>247.811.818</u>	<u>295.900.000</u>

15 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	23.880.318	23.880.318
Kinh phí công đoàn	11.139.134	47.680.371
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.528.511.448	2.366.276.977
- Cổ tức phải trả	79.795.000	33.380.000
- Các khoản phải trả về Tổng Công ty	2.542.446.262	1.443.592.737
- Quỹ từ thiện xã hội	51.616.711	98.742.711
- Phải trả về chi phí thanh lý nhà Ba Hàng, Gia Lâm	7.000.000	7.000.000
- Các khoản phải trả khác	847.653.475	783.561.529
	<u>3.563.530.900</u>	<u>2.437.837.666</u>

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Xem chi tiết Phụ lục 2.

Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội  
Số 20 Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2013	Tỷ lệ	01/01/2013	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	80.431.500.000	89,37	80.431.500.000	89,37
Vốn góp của các đối tượng khác	9.568.500.000	10,63	9.568.500.000	10,63
	<u>90.000.000.000</u>	<u>100,00</u>	<u>90.000.000.000</u>	<u>100,00</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	90.000.000.000	90.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	90.000.000.000	90.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	4.500.000.000	4.500.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2013	01/01/2013
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.000.000	9.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.000.000	9.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.000.000	9.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND / cổ phiếu

e) Các quỹ của Công ty

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	3.119.675.394	3.119.675.394
Quỹ dự phòng tài chính	480.176.385	480.176.385

17. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	1.623.364.354.643	1.855.905.080.663
Doanh thu cung cấp dịch vụ	32.268.682.324	36.370.591.429
	<u>1.655.633.036.967</u>	<u>1.892.275.672.092</u>

Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội  
Số 20 Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

18 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	-	371.929.950
Giảm giá hàng bán	389.986.625	7.384.289.413
	<u>389.986.625</u>	<u>7.756.219.363</u>

19 . DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng	1.622.974.368.018	1.848.148.861.300
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	32.268.682.324	36.370.591.429
	<u>1.655.243.050.342</u>	<u>1.884.519.452.729</u>

20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giá vốn của hàng bán	1.602.243.208.130	1.824.803.708.554
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	19.515.811.687	12.747.801.184
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	4.781.523.671	-
	<u>1.626.540.543.488</u>	<u>1.837.551.509.738</u>

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	273.572.888	213.255.164
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	32.934.104	81.701.897
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	53.747.450
Lãi bán hàng trả chậm	8.850.617.051	12.091.501.458
	<u>9.157.124.043</u>	<u>12.440.205.969</u>

22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền vay	11.475.966.543	9.489.305.874
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	115.307.679	630.114.293
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.027.859.771	921.025.671
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	1.632.508.413	-
	<u>14.251.642.406</u>	<u>11.040.445.838</u>



Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội  
Số 20 Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**23 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	122.396.668	126.707.545
Chi phí nhân công	10.245.080.414	10.957.789.504
Chi phí khấu hao tài sản cố định	78.476.302	106.798.120
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.948.086.460	8.145.298.809
Chi phí khác bằng tiền	554.095.028	415.904.888
	<u>19.948.134.872</u>	<u>19.752.498.866</u>

**24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	633.996.337	646.697.244
Chi phí nhân công	8.487.935.557	7.987.885.658
Chi phí khấu hao tài sản cố định	694.456.541	767.472.893
Thuế, phí, lệ phí	2.715.929.254	538.485.008
Chi phí dự phòng	27.650.222.375	7.166.033.739
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.921.349.267	3.769.947.046
Chi phí khác bằng tiền	3.478.824.157	3.985.970.665
	<u>47.582.713.488</u>	<u>24.862.492.253</u>

**25 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(45.791.537.958)	6.327.612.847
Các khoản điều chỉnh tăng	-	335.926.824
- Chi phí không hợp lệ	-	335.926.824
Thu nhập chịu thuế TNDN	(45.791.537.958)	6.663.539.671
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	72.444.463	82.266.524
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 25%)	<u>72.444.463</u>	<u>1.748.151.442</u>

**26 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(45.863.982.421)	4.579.461.405
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(45.863.982.421)	4.579.461.405
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9.000.000	9.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>(5.096)</u>	<u>509</u>

Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội  
Số 20 Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

27 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2013		Năm 2012	
	VND		VND	
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	756.393.005		773.404.789	
Chi phí nhân công	18.924.041.971		18.945.675.162	
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.025.883.544		3.464.708.654	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.318.516.695		15.322.146.340	
Chi phí khác bằng tiền	8.270.658.910		6.351.992.398	
	<b>45.295.494.125</b>		<b>44.857.927.343</b>	

28 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2013		01/01/2013	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.841.206.220		37.683.055.653	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	184.223.378.428	(49.879.068.803)	159.832.385.733	(22.480.846.427)
	<b>192.064.584.648</b>	<b>(49.879.068.803)</b>	<b>197.515.441.386</b>	<b>(22.480.846.427)</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	131.084.551.712	196.902.485.187
Phải trả người bán, phải trả khác	49.849.380.301	55.687.505.665
Chi phí phải trả	247.811.818	295.900.000
	<b>181.181.743.831</b>	<b>252.885.890.852</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác), cụ thể như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>				
Tiền và tương đương tiền	7.841.206.220			7.841.206.220
Phải thu k.hàng, phải thu khác	134.344.309.625			134.344.309.625
	<u>142.185.515.845</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>142.185.515.845</u>
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>				
Tiền và tương đương tiền	37.683.055.653			37.683.055.653
Phải thu k.hàng, phải thu khác	137.351.539.306			137.351.539.306
	<u>175.034.594.959</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>175.034.594.959</u>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>				
Vay và nợ	131.084.551.712			131.084.551.712
Phải trả người bán, phải trả khác	49.849.380.301			49.849.380.301
Chi phí phải trả	247.811.818			247.811.818
	<u>181.181.743.831</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>181.181.743.831</u>
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>				
Vay và nợ	196.902.485.187			196.902.485.187
Phải trả người bán, phải trả khác	55.687.505.665			55.687.505.665
Chi phí phải trả	295.900.000			295.900.000
	<u>252.885.890.852</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>252.885.890.852</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**29 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**30 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo lĩnh vực kinh doanh:

Xem chi tiết Phụ lục 3.

Theo khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

**31 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm Công ty đã giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>Doanh thu bán hàng</b>			
- Công ty Thép Miền Nam	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	55.405.329.700	274.177.861
- Công ty CP Tôn mạ VNSTEEL Thăng Long	Công ty con của TCT	78.968.200	92.236.600
- Công ty CP Gang thép Thái Nguyên	Công ty con của TCT	26.512.079.500	-
<b>Mua nguyên vật liệu</b>			
- Công ty TNHH Thép Vinaasteel	Công ty liên kết của Công ty mẹ	370.643.450.740	-
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - CN TP HCM	Công ty mẹ	-	13.847.827.760
- Công ty CP Kim khí TP Hồ Chí Minh	Công ty con của TCT	307.681.340	6.048.432.550
- Công ty CP Gang Thép Thái Nguyên	Công ty con của TCT	-	127.157.594.100
- Công ty TNHH Thép VSC-POSCO	Công ty liên kết của Công ty mẹ	9.338.982.465	-
- Công ty TNHH Ông Thép Việt Nam	Công ty liên kết của Công ty mẹ	22.195.127.000	3.168.438.900
<b>Lãi chậm trả</b>			
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - VP phía Nam	Công ty mẹ	-	8.925.970

Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội  
Số 20 Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	Mối quan hệ	31/12/2013	01/01/2013
		VND	VND
<b>Phải thu</b>			
- Công ty TNHH Óng thép Việt Nam	Công ty liên kết của Công ty mẹ	-	1.163.098.200
- Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Công ty con của TCT	15.203.475.650	-
- Công ty TNHH Thép Tây Đô	Công ty liên kết của Công ty mẹ	37.435.731.950	-
- Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè	Công ty con của TCT	35.874.766.400	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
- Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT	1.704.840.000	1.746.478.000

32 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) (nay là Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC) kiểm toán.

Người lập biểu

Dương Thị Phương Hiền

Kế toán trưởng

Nguyễn Lê Minh Tâm

Hà Nội, ngày 18 tháng 02 năm 2014  
Tổng Giám đốc



Phạm Công Dũng

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội  
Số 20 Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội

**Phụ lục 1 : TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	43.523.711.700	777.743.648	5.666.323.332	240.953.891	11.000.000	50.219.732.571
Số tăng trong năm	8.079.845.455	774.678.183	-	14.809.091	-	8.869.332.729
- Mua trong năm		774.678.183	-	14.809.091	-	789.487.274
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	8.079.845.455	-	-	-	-	8.079.845.455
Số giảm trong năm	(534.381.341)	(241.779.709)	(77.277.726)	(255.762.982)	(11.000.000)	(1.120.201.758)
- Chuyển sang CCDC	(534.381.341)	(241.779.709)	(77.277.726)	(255.762.982)	(11.000.000)	(1.120.201.758)
Số dư cuối năm	51.069.175.814	1.310.642.122	5.589.045.606	-	-	57.968.863.542
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	26.850.559.070	596.785.429	2.897.056.269	110.105.952	458.334	30.454.965.054
Số tăng trong năm	3.087.457.171	122.041.939	484.513.308	21.215.409	814.816	3.716.042.643
- Kế hoạch trong năm	3.087.457.171	122.041.939	484.513.308	21.215.409	814.816	3.716.042.643
Số giảm trong năm	(371.183.803)	(210.496.881)	(33.158.818)	(131.321.361)	(1.273.150)	(747.434.013)
- Chuyển sang CCDC	(371.183.803)	(210.496.881)	(33.158.818)	(131.321.361)	(1.273.150)	(747.434.013)
Số dư cuối năm	29.566.832.438	508.330.487	3.348.410.759	-	-	33.423.573.684
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	16.673.152.630	180.958.219	2.769.267.063	130.847.939	10.541.666	19.764.767.517
Tại ngày cuối năm	21.502.343.376	802.311.635	2.240.634.847	-	-	24.545.289.858

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay;  
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng:

金 属 有 限 公 司

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội  
Số 20 Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội

**Phụ lục 2 : BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của CSH VND	Quý đầu tư phát triển VND	Quý dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>					
Lãi trong năm trước	90.000.000.000	3.119.675.394	507.126.689	4.948.720.737	98.575.522.820
Chia cổ tức	-	-	-	4.579.461.405	4.579.461.405
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(4.500.000.000)	(4.500.000.000)
Giảm khác	-	-	(26.950.304)	(448.720.737)	(448.720.737)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>90.000.000.000</b>	<b>3.119.675.394</b>	<b>480.176.385</b>	<b>4.579.461.405</b>	<b>98.179.313.184</b>
<b>Lỗ trong năm nay</b>	-	-	-	(45.863.982.421)	(45.863.982.421)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(79.461.405)	(79.461.405)
Chia cổ tức	-	-	-	(4.500.000.000)	(4.500.000.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>90.000.000.000</b>	<b>3.119.675.394</b>	<b>480.176.385</b>	<b>(45.863.982.421)</b>	<b>47.735.869.358</b>



Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Công ty Cổ phần Kim Lanh Hà Nội  
Số 20 Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội

**Phụ lục 3 : BÁO CÁO BỘ PHẬN CHÍNH YẾU - THEO LĨNH VỰC KINH DOANH**

	Hoạt động kinh doanh bán hàng hóa VND	Hoạt động kinh doanh dịch vụ VND	Tổng cộng các bộ phận VND	Loại trừ VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.622.974.368.018	32.268.682.324	1.655.243.050.342		1.655.243.050.342
Chi phí trực tiếp	1.607.024.731.801	19.515.811.687	1.626.540.543.488		1.626.540.543.488
Chi phí phân bổ					72.625.366.723
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>15.949.636.217</b>	<b>12.752.870.637</b>	<b>28.702.506.854</b>		<b>(43.922.859.869)</b>
Tài sản không phân bổ					253.642.477.715
<b>Tổng tài sản</b>					<b>253.642.477.715</b>
Nợ phải trả không phân bổ					205.906.608.357
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>205.906.608.357</b>

[Về trang trước](#)

[Lên đầu trang](#)

[Gửi email](#)

[In trang](#)

**CÁC BÀI VIẾT KHÁC**

Công bố thông tin trong thời hạn 24h (1 lượt xem)

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2014 (1 lượt xem)



Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 (53 lượt xem)

Báo cáo tình hình quản trị Công ty 6 tháng đầu năm 2013 (15 lượt xem)

Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2013 (35 lượt xem)

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRONG THỜI HẠN TRONG 24 GIỜ (52 lượt xem)

THÔNG BÁO VỀ VIỆC THANH TOÁN CỐ TỨC BẰNG TIỀN MẶT NĂM 2012. (61 lượt xem)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2013 (92 lượt xem)



#### CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI

Số 20 Tôn Thất Tung, Đống Đa, Hà Nội  
 04 3. 8521115 - 04 3. 8523851  
 hns@hns.com.vn  
 hns.com.vn

#### GIỚI THIỆU

Giới thiệu chung  
 Sứ mệnh  
 Cam kết  
 Lịch sử hình thành  
 Lĩnh vực hoạt động

#### CƠ SỞ VẬT CHẤT

Trụ sở chính  
 Tổng kho kim khí Đức Giang  
 Tổng kho kim khí Văn Điển  
 198 Nguyễn Trãi

#### © BẢN QUYỀN THUỘC VỀ HSTEEL.COM.VN

Tim chúng tôi trên:

#### THÔNG KÊ TRUY CẬP:

Đang online:	2
Tổng truy cập:	78427

Thiết kế website - xây dựng website bởi Tất Thành